

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HS-ST

Ngày: 29-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tần Thị Thu Hà.

Ông Sần Tài Văn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hải Nam, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST-HS ngày 16/5/2018 đối với các bị cáo:

1. Vàng Sáu T, sinh năm: 1971, tại huyện M, tỉnh Lai Châu.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước ngày bị bắt: Bản C, xã T, huyện M, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Không; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vàng Giống H (tên gọi khác: Vàng Chồng X), sinh năm: 1944 và bà: Giàng Thị C, sinh năm: 1948; có vợ: Thảo Thị C, sinh năm: 1977 và 05 người con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giam từ ngày 19/11/2017, hiện đang bị tạm giam và được trích xuất, áp giải đến phiên tòa.

2. Sùng A N, sinh năm: 1997, tại huyện M, tỉnh Lai Châu.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước ngày bị bắt: Bản N, xã Chung C, huyện M, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Sùng A D, sinh năm: 1966 và bà: Chang Thị P, sinh năm: 1973; có vợ: Chang Thị P, sinh năm: 1999, bị cáo chưa có con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giam từ ngày 19/11/2017, hiện đang bị tạm giam và được trích xuất, áp giải đến phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Vàng Sáu T: Ông Nguyễn Trần D, Luật sư, Văn phòng Luật sư Trần D, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Sùng A Ninh: Bà Lê Thị X, Luật sư, Cộng tác viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- Người phiên dịch tiếng dân tộc H'Mông: Ông Sùng A C, sinh năm: 1994; trú tại: Tổ 16, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 17/11/2017, Vàng A D, trú tại bản N, xã C, huyện M, tỉnh Điện Biên, đến nhà V, nhà ở bản C, xã T, huyện M, tỉnh Lai Châu. D đã rủ T góp tiền chung để đi mua thuốc phiện của người Lào, mang về bán cho một đối tượng nam giới tên là Q, nhà ở bản C, xã P, huyện M, tỉnh Lai Châu. T đồng ý và góp 6.000.000 VNĐ. Sáng ngày 18/11/2017, D chở T đi sang nhà D. Khoảng 03 giờ sáng ngày 19/11/2017, D gọi T dậy và bảo sáng nay bận việc không đi mua thuốc phiện được, có Sùng A N, em trai của Sùng A C, trú tại: Bản N, xã C, huyện M, sẽ dẫn đường đi mua thuốc phiện. Sau đó, D đưa cho T 23.500.000 VNĐ, trong đó: Vàng A D cho Vàng Sáu T vay 3.000.000 VNĐ; D góp 500.000 VNĐ; Thào A D, trú tại: Bản C, xã T, huyện M, góp 10.000.000 VNĐ; Vàng A S2, trú tại: Bản N, xã C, huyện M, góp 5.000.000 VNĐ; Vàng A S3, trú tại: Bản N, xã C, huyện M, góp 5.000.000 VNĐ. Khi đi, Vàng Sáu T có mang theo 6.000.000 VNĐ, tổng cộng: 29.500.000 VNĐ. Sau đó, D gọi điện cho N, người Mông - Lào, hẹn mang thuốc phiện đến khu vực biên giới để bán. Bàn bạc xong, D lấy xe máy chở T đi ra ngã ba xã C, thì gặp Sùng A N, Sùng A C đang đợi ở ven đường, rồi cả bốn người tiếp tục đi xe máy theo hướng bản N, xã M, đi khoảng một tiếng thì dừng xe ở đầu bản N, xã M. D bảo T là khi nào mua được thuốc phiện, quay về, thì điện thoại cho Vàng A D đến đón, còn Sùng A C đưa cho Sùng A N số tiền 26.500.000 VNĐ để N mua thuốc phiện, Sùng A C hứa sẽ chia tiền lãi cho N. Sau đó, D và C đi về. N và T tiếp tục đi bộ theo đường rừng. Đến khoảng 09 giờ sáng cùng ngày, N và T tới khu vực biên giới Việt - Lào, thuộc mốc 17, Sùng A N, Vàng Sáu T tiếp tục đi bộ khoảng 30 phút nữa thì gặp hai người đàn ông, một người giới thiệu tên là N, hai bên tiến hành trao đổi mua bán thuốc phiện. N bảo mua 26.500.000 VNĐ, T bảo mua 29.500.000 VNĐ và N thỏa thuận giá 5.000.000 VNĐ/10 lạng tiểu ly thuốc phiện. N cân cho Sùng A N 05 cục thuốc phiện (N không nhớ khối lượng cụ thể là bao nhiêu) với giá 26.500.000 VNĐ, N trả tiền cho N, rồi cất thuốc phiện vào ba lô. N cân cho T 06 cục thuốc phiện với giá 30.000.000 VNĐ, đã trả 29.500.000 VNĐ, nợ 500.000 VNĐ, hẹn lần sau mua tiếp sẽ trả tiền, N đồng ý, rồi T đem 06 cục thuốc phiện cho vào mảnh nilon màu trắng quấn lại, để nhờ vào trong ba lô của N. Trên đường về, N và T thay nhau đeo ba lô đựng thuốc

phiện. Khi cả hai đi đến khu vực bản N, xã M thì bị lực lượng bộ đội biên phòng M kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang.

Tại bản Kết luận giám định số: 147/GĐ-PC54 ngày 11/12/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

“- 06 (sáu) mẫu chất dẻo màu nâu đen kí hiệu theo thứ tự M1 đến M6 (thu giữ của Vàng Sáu T) gửi giám định là chất ma túy: Loại Thuốc phiện.

- 05 (năm) mẫu chất dẻo màu nâu đen kí hiệu theo thứ tự M1 đến M5 (thu giữ của Sùng A N) gửi giám định là chất ma túy: Loại Thuốc phiện.

- Trọng lượng vật chứng thu giữ của Vàng Sáu T là 1.431,02 gam.

- Trọng lượng vật chứng thu giữ của Sùng A N là 1.099,42 gam.

- Thuốc phiện nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 117, Danh mục II, Nghị định số: 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.”

Tại bản Cáo trạng số: 13/QĐ-VKS-P1 ngày 23/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã quyết định truy tố các bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm a khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 194/BLHS năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Vàng Sáu T từ 17 (mười bảy) năm tù đến 18 (mười tám) năm tù. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 194/BLHS năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Vàng Sáu T từ 17 (mười bảy) năm tù đến 18 (mười tám) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về vật chứng, căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS), đề nghị HĐXX tịch thu, tiêu hủy toàn bộ số thuốc phiện và ba lô đựng thuốc phiện của vụ án; trả lại cho các bị cáo điện thoại và cân lò xo đã thu giữ của các bị cáo. Về án phí, căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho cả hai bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Vàng Sáu T đồng ý với Viện kiểm sát về tội danh truy tố, án phí, tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo 16 (mười sáu) năm đến 17 (mười bảy) năm tù, tạo cơ hội cho bị cáo cải tạo tốt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Sùng A N đồng ý với Viện kiểm sát về tội danh truy tố bị cáo. Đề nghị HĐXX áp dụng thêm khoản 2 Điều 51/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo từ 15 (mười lăm) năm đến 16 (mười sáu) năm tù.

Lời nói sau cùng của bị cáo Vàng Sáu T: Bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Lời nói sau cùng của bị cáo Sùng A N: Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng. Tại phiên tòa, hai bị cáo không có khiếu nại về các quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng; hành vi tố tụng của Điều tra viên; Kiểm sát viên; Thẩm phán, Thư ký Tòa án. Do đó, quá trình tiến hành tố tụng của cơ quan tố tụng, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật; các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng là hợp pháp. Các chứng cứ thu thập được và đã được xem xét tại phiên tòa là khách quan, đúng pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa sơ thẩm, trong quá trình tranh tụng công khai, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên là đúng. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với các Biên bản hỏi cung bị can tại Cơ quan điều tra và phù hợp với Biên bản phạm pháp quả tang lập hồi 19 giờ 00 phút ngày 19/11/2017, tại đồn biên phòng M. Biên bản mở niêm phong xác định trọng lượng, trích mẫu gửi giám định đều có sự chứng kiến của hai bị cáo lập hồi 13 giờ 30 phút ngày 24/11/2017. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: 147/GĐ-PC54, ngày 11/12/201, kết quả giám định 06 (sáu) mẫu kí hiệu theo thứ tự M1 đến M6 (thu giữ của Vàng Sáu T) và 05 (năm) kí hiệu theo thứ tự M1 đến M5 (thu giữ của Sùng A N) gửi giám định là chất ma túy: Loại Thuốc phiện. Trọng lượng vật chứng thu giữ của Vàng Sáu T là 1.431,02 gam, trọng lượng vật chứng thu giữ của Sùng A N là 1.099,42 gam. Tổng trọng lượng thuốc phiện là: 2.530,44 gam.

Từ những tài liệu chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để xác định rằng: Ngày 19/11/2017, hai bị cáo Vàng Sáu T, Sùng A N đã bị bắt quả tang vì có hành vi mua bán Thuốc phiện có tổng khối lượng 2.530,44 gam. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” tội phạm được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 194/BLHS năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, nay là điểm a khoản 3 Điều 251/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điểm a khoản 3 Điều 194/BLHS năm 1999 quy định:

“3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười lăm năm đến hai mươi năm:

a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có trọng lượng từ một kilôgam đến dưới năm kilôgam;

... ”

Hai bị cáo Vàng Sáu T, Sùng A N đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với trọng lượng (khối lượng) 2.530,44 gam Thuốc phiện. Với trọng lượng (khối lượng) như trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 194/BLHS năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 nay là điểm a khoản 3 Điều 251/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát duy trì công tố tại phiên tòa sơ thẩm, HĐXX xét thấy đề nghị có cơ sở nên cần được chấp nhận.

Đối với đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo Vàng Sáu T, HĐXX xét thấy đề nghị có cơ sở, cần được chấp nhận. Đối với đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51/BLHS năm 2015 của Luật sư bào chữa cho bị cáo Sùng A N, HĐXX xét thấy không có cơ sở áp dụng nên không chấp nhận.

[3] Về tính chất của vụ án và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của hai bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó của hai bị cáo đã xâm hại đến sự độc quyền quản lý về các chất ma túy của Nhà nước. Hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án này mang tính chất đồng phạm giản đơn theo quy định tại Điều 17/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cả hai bị cáo đều tham gia phạm tội với vai trò người thực hành tích cực. Hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án này là đặc biệt nghiêm trọng, quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Các bị cáo đều là những người có đầy đủ năng lực nhận biết được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội và các bị cáo còn mua bán trái phép chất ma túy với khối lượng lớn, điều đó chứng tỏ, các bị cáo đã coi thường luật pháp, coi thường kỷ cương, phép nước. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm đối với các bị cáo để các bị cáo thấy được tính nghiêm minh của luật pháp Nhà nước ta và mang tính chất phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt tù, Hội đồng xét xử cũng cần cân nhắc xem xét đến nhân thân của các bị cáo, bởi, các bị cáo sinh ra và lớn lên tại vùng sâu, vùng xa, sự nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Gia đình của các bị cáo đều thuộc diện hộ nghèo, điều kiện khó khăn đã dẫn các bị cáo vào con đường phạm tội. Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Do vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo sớm được trở về đoàn tụ với gia đình và cũng để các bị cáo thấy được tính khoan hồng của pháp luật của Nhà nước ta. Đối với bị cáo Vàng Sáu T, bị cáo có bố là Vàng Giống H được Nhà nước tặng Huy chương “Cựu chiến binh Việt Nam”, là người có công với đất nước, nên HĐXX xét thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 51/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung, xét thấy hiện tại các bị cáo không có điều kiện để thi hành (có biên bản xác minh về điều kiện, hoàn cảnh kinh tế gia đình, gia đình các bị cáo đều thuộc diện Hộ nghèo). Hội đồng xét xử cần miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo theo khoản 5 Điều 251/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong hồ sơ vụ án còn thể hiện các đối tượng tên Vàng A D, Vàng A S (S2), Vàng A S3, Thào A D, theo lời khai của Vàng Sáu T, là những người góp tiền để Vàng Sáu T đi mua thuốc phiện. Ngoài ra, trong hồ sơ còn thể hiện Sùng A N đã thực hiện hành vi mua thuốc phiện lần đầu vào cuối tháng 10/2017, nhưng, do các đối tượng trên không có mặt tại nơi cư trú, chưa có đủ căn cứ để chứng minh các đối tượng trên có liên quan đến hành vi phạm tội của Vàng Sáu T, Sùng A N nên không đề cập xử lý.

Đối với người đàn ông tên là Q ở bản C, xã P, huyện M, tỉnh Lai Châu. Cơ quan điều tra đã điều tra, xác minh không có ai tên Q tại địa chỉ này, nên không đề cập xử lý.

Đối với Sùng A S trú tại bản N, xã T, huyện M, tỉnh Lai Châu. Cơ quan điều tra đã điều tra, xác minh không có ai tên là Sùng A S, nên không đề cập xử lý.

Đối với Sùng A C, là người đưa tiền cho Sùng A N đi mua thuốc phiện. Hiện Sùng A C không có mặt tại nơi cư trú, Hội đồng xét xử xét thấy sẽ xử lý sau, khi có đủ cơ sở.

Đối với người Mông - Lào tên N và một người đàn ông đi cùng N là những người bán thuốc phiện cho Vàng Sáu T, Sùng A N. Do T, N không biết rõ địa chỉ cụ thể nên không xử lý trong vụ án này.

[4] Về xử lý vật chứng trong vụ án. Căn cứ Điều 46, 47, 48/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và căn cứ vào Điều 106/BLTTHS năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy: Cần tịch thu, tiêu hủy toàn bộ số ma túy trong vụ án, bao gồm: 1.062,4 gam thuốc phiện thu giữ của Sùng A N và 1.384,7 gam thuốc phiện thu giữ của Vàng Sáu T (đã trích mẫu gửi giám định). Đối với ba lô cá nhân màu xanh, thu giữ lúc bắt quả tang Vàng Sáu T, Sùng A N, các bị cáo đã sử dụng làm phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy. Đối với 02 điện thoại di động các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, nên cần trả lại cho các bị cáo. Đối với 02 cân lò xo thu giữ của hai bị cáo, mặc dù các bị cáo không sử dụng để cân thuốc phiện, nhưng các bị cáo đều thừa nhận mang cân theo người để đi cân thuốc phiện, các vật chứng này vẫn còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, bán sung ngân sách Nhà nước.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án, do bị cáo Sùng A N sinh sống tại khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo Vàng Sáu T, Sùng A N đều thuộc diện hộ nghèo nên cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho hai bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Vàng Sáu T, Sùng A N phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

2. Hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 nay là điểm a khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 17, Điều 58 và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Vàng Sáu T 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 19/11/2017).

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 nay là điểm a khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 17, Điều 58 và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Sùng A N 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 19/11/2017).

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

3.1. Tịch thu, tiêu huỷ:

+ 01 (một) hộp niêm phong, trên mặt hộp được dán mảnh giấy có dòng chữ đánh máy: Vật chứng của Sùng A N - Sinh năm: 1997. Vật chứng gồm: 1.099,42 gam thuốc phiện, đã trích mẫu gửi giám định: 37,02 gam, còn lại: 1.062,4 gam thuốc phiện.

+ 01 (một) hộp niêm phong, trên mặt hộp được dán mảnh giấy có dòng chữ đánh máy: Vật chứng của Vàng Sáu T - Sinh năm: 1971. Vật chứng gồm: 1.431,02 gam thuốc phiện, đã trích mẫu gửi giám định: 46,32 gam, còn lại: 1.384,7 gam thuốc phiện.

+ 01 (một) ba lô cá nhân màu xanh, thu giữ lúc bắt quả tang Vàng Sáu T, Sùng A N.

3.2. Trả lại cho bị cáo Vàng Sáu T

+ 01 (một) điện thoại di động dạng bàn phím bấm, nhãn hiệu ITEL, màu đỏ - đen đã cũ qua sử dụng, thu giữ của Vàng Sáu T.

3.3. Trả lại cho bị cáo Sùng A N:

+ 01 (một) điện thoại di động dạng bàn phím bấm, nhãn hiệu L800 GiONEE, màu đỏ - đen đã cũ qua sử dụng, thu giữ của Sùng A N.

3.4. Tịch thu, bán sung ngân sách Nhà nước:

- + 01 (một) cân lò xo, hình trụ thu giữ của Vàng Sáu T.
- + 01 (một) cân lò xo, hình trụ thu giữ của Sùng A N.

(Các vật chứng trên theo Biên bản giao - nhận vật chứng lập ngày 24/4/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên)

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho hai bị cáo.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai hình sự sơ thẩm có mặt các bị cáo, báo cho hai bị cáo biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/5/2018).

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên (PC47);
- Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HCTP-Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- UBND (T/báo);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Thắng